

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: VẤN ĐỀ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC NỘI SINH

Nguyễn Kế Tuấn

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định chủ trương: “Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”¹. Việc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế có quan hệ chặt chẽ với huy động và sử dụng các nguồn lực: một mặt, mục tiêu và nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng phải phù hợp với khả năng huy động và sử dụng các nguồn lực; mặt khác, kết quả huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực là điều kiện thực hiện mục tiêu và nội dung của đổi mới mô hình tăng trưởng. Bài viết phân tích một số khía cạnh về mối quan hệ giữa đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam với yếu tố nguồn nhân lực và yếu tố năng lực khoa học và công nghệ (KH&CN) nội sinh quốc gia - hai yếu tố quan trọng hàng đầu trong các yếu tố nguồn lực nội sinh.

Nguồn nhân lực

Là yếu tố giữ vị trí trọng yếu trong tăng trưởng kinh tế, nguồn nhân lực thường được xem xét cả về mặt số lượng và chất lượng. Nếu trong mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, số lượng nguồn nhân lực là yếu tố giữ vị trí quan trọng hàng đầu, thì ngược lại, trong mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố giữ vị trí quyết định.

Ở nước ta, với dân số hơn 100 triệu người, lực lượng lao động trên 15 tuổi chiếm gần 60%, trung bình hàng năm có khoảng 1,5 triệu người bước vào tuổi lao động. Nguồn nhân lực dồi dào, giá nhân công rẻ... được đánh giá là một trong những lợi thế của nước



Đội ngũ trí thức được coi là đại diện tiêu biểu của nguồn nhân lực chất lượng cao.

ta trong phát triển kinh tế. Thực tế cho thấy, việc phát huy lợi thế này đã góp phần nhất định vào việc đạt được những thành tựu trong tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, việc dựa vào lợi thế tĩnh này không bảo đảm yêu cầu chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của tăng trưởng kinh tế. Chất lượng nguồn nhân

lực thấp đang là một trong những điểm nghẽn của tăng trưởng kinh tế, cản trở việc thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong những năm qua, việc thực hiện đột phá chiến lược về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã đạt được một số kết quả tích cực: năm 2011, tỷ lệ

¹Đảng cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, tập I, tr. 120-121.

Diễn đàn Khoa học và Công nghệ

lao động qua đào tạo (có văn bằng, chứng chỉ theo quy định) là 15,6%, năm 2016 đạt 20,9% và năm 2022 đạt 26,4%. Tuy nhiên, tỷ lệ này còn thấp so với mục tiêu đặt ra, chất lượng đào tạo còn nhiều bất cập so với yêu cầu: nguồn nhân lực được đào tạo còn hạn chế cả về trí lực, tâm lực và thể lực; mất cân đối về cơ cấu đào tạo nhân lực theo trình độ và theo ngành nghề... Hệ quả tất yếu của tình trạng này là năng suất lao động còn thấp: năm 2020, năng suất lao động tính theo tổng sản phẩm trong nước thực tế của Việt Nam thấp hơn của Singapore 8,8 lần, của Malaysia 3 lần; năng suất lao động tính theo sức mua tương đương (PPP) chỉ bằng 8,99% của Singapore, 23,21% của Malaysia, 40,31% của Thái Lan²...

Với mỗi quốc gia, đội ngũ trí thức được coi là đại diện tiêu biểu của nguồn nhân lực chất lượng cao. Đội ngũ trí thức Việt Nam tuy có tăng về số lượng, nhưng cơ cấu chưa hợp lý, còn tập trung vào một số ngành, nghề và một số địa phương. Một số người có bằng cấp cao, nhưng chưa thể hiện được năng lực thực tế trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hiện nay, Việt Nam còn thiếu các trí thức đầu ngành, đặc biệt là những ngành khoa học mũi nhọn của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Tính bình quân, Việt Nam chỉ có khoảng 7,4 cán bộ nghiên cứu trên 1 vạn dân. Tỷ lệ này của Singapore là 69,2, Malaysia là 23,6 và Thái Lan là 12,1³.

²Tùng Nguyên (2023), "Năng suất lao động Việt Nam vẫn thuộc nhóm thấp nhất khu vực", *Báo Dân trí*, <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/nang-suat-lao-dong-viet-nam-van-thuoc-nhom-thap-nhat-khu-vuc-20230210104138622.htm>, truy cập ngày 03/01/2024.

³Bộ Khoa học và Công nghệ (2020), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

Thực trạng này đặt ra hàng loạt vấn đề với việc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới, trong đó có 2 vấn đề cơ bản:

- *Nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế cần chú ý yêu cầu toàn dụng nguồn nhân lực.*

Trong thực tế, tỷ lệ lao động thất nghiệp và tỷ lệ lao động chưa có việc làm đầy đủ lớn hơn so với các số liệu thống kê chính thức đã công bố⁴. Hàng năm, Việt Nam có khoảng 1,5 triệu người bước vào tuổi lao động. Trong điều kiện này, giải quyết việc làm cho lao động hiện có và lao động tăng thêm hàng năm là một trong những vấn đề cần quan tâm trong đổi mới mô hình tăng trưởng. Vấn đề này không chỉ mang ý nghĩa kinh tế, mà còn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc vì liên quan trực tiếp đến việc góp phần bảo đảm môi trường xã hội ổn định cho tăng trưởng kinh tế. Theo yêu cầu toàn dụng nguồn nhân lực, nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế không thể chỉ nhấn mạnh một chiều đến chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mà còn cần phải bảo đảm yêu cầu giải quyết việc làm cho lao động. Định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành trong đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế những năm tới vẫn phải dành sự chú ý thỏa đáng đến phát triển các ngành thâm dụng lao động (dệt may, da giày, lắp ráp cơ khí, điện tử...) dù các ngành này không còn chiếm vị trí quan trọng hàng đầu như trong mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng.

⁴Năm 2022, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,32%, ở thành thị là 2,79% và ở nông thôn là 2,03%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi thiếu việc làm là 2,21%, ở thành thị là 1,7% và ở nông thôn là 2,51% (nguồn: Tổng cục Thống kê: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2022).

- *Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện đột phá chiến lược về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là điều kiện để thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng.*

Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế của nước ta trong thời gian tới là chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Định hướng đó phù hợp với bối cảnh tiến bộ KH&CN, đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển mạnh mẽ và có ảnh hưởng trực tiếp, sâu rộng tới tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội, đó cũng là cách thức để khắc phục nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với trình độ của các nước phát triển. Định hướng đó sẽ không thể thực hiện được nếu không có nguồn nhân lực chất lượng cao. Do vậy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là điều kiện tiên đề để thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới.

Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo là yếu tố giữ vị trí hàng đầu. Ngày 04/11/2013, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 29/NQ-TW "Về mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Với quan điểm coi giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, điều kiện tiên quyết để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này là cần có nhận thức đúng về trách nhiệm của toàn xã hội với việc thực hiện nhiệm vụ "đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo". "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục



và đào tạo” không phải chỉ là giải quyết các vấn đề của nhà trường và trong nhà trường, mà gắn liền với nó là xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội cho mọi người đều được học tập và làm cho mọi người nhận thức rõ mục tiêu của học tập là tiếp thu kiến thức, nâng cao năng lực và kỹ năng để làm việc có hiệu quả hơn.

Trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần chú trọng xây dựng đội ngũ trí thức và phát huy vai trò của họ trong công cuộc phát triển đất nước. Nhà nước có vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ này. Cơ chế chính sách của Nhà nước với đội ngũ trí thức phải bảo đảm các yêu cầu: (i) Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức phát huy khả năng sáng tạo; (ii) Xây dựng đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, có năng lực sáng tạo, định hướng và dẫn dắt tập thể trong hoạt động nghiên cứu; (iii) Trọng dụng và trọng đãi cán bộ KH&CN đầu ngành, cán bộ KH&CN được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, cán bộ KH&CN trẻ, tài năng; (iv) Thu hút đội ngũ trí thức Việt kiều tham gia nghiên cứu giải quyết các vấn đề KH&CN phục vụ phát triển đất nước.

Nguồn lực KH&CN nội sinh quốc gia

Năng lực KH&CN nội sinh quốc gia là năng lực nội tại của một quốc gia có khả năng làm chủ quá trình nghiên cứu, sáng tạo, tiếp nhận, khai thác, chuyển giao các thành tựu KH&CN, phục vụ có hiệu quả mục tiêu đã định. Nâng cao năng lực KH&CN nội sinh quốc gia là yếu tố quan trọng hàng đầu thực hiện định hướng “...chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”.

Trong những năm qua, tuy năng lực KH&CN nội sinh quốc gia của nước ta đã từng bước được nâng cao, nhưng vẫn đang còn nhiều hạn chế, làm cho “...khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”⁵. Bên cạnh sự hạn chế trong yếu tố chất lượng nguồn nhân lực như đã đề cập ở trên, các yếu tố khác của năng lực KH&CN nội sinh quốc gia cũng tồn tại nhiều hạn chế:

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu KH&CN và đổi mới sáng tạo chưa đồng bộ và lạc hậu, chưa theo kịp tốc độ phát triển của KH&CN.

- Mức chi từ ngân sách nhà nước cho KH&CN còn thấp hơn nhiều so với yêu cầu và so với tỷ lệ trung bình của thế giới⁶; chưa huy động được các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo.

- Trình độ trang bị công nghệ của các ngành kinh tế còn thấp hơn so với trình độ trung bình của thế giới. Các doanh nghiệp chưa quan tâm thỏa đáng cho đầu tư đổi mới công nghệ. Mức đầu tư đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp còn thấp.

- Năng lực quản lý KH&CN và đổi mới sáng tạo còn nhiều bất cập,

chưa thật sự phù hợp với cơ chế thị trường, đặc thù của hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo cũng như thông lệ quốc tế.

Với vai trò là yếu tố quan trọng hàng đầu, thực hiện định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới, việc nâng cao năng lực KH&CN nội sinh quốc gia là nhiệm vụ cần được ưu tiên trong tổng thể các yếu tố nguồn lực nội sinh của tăng trưởng kinh tế. Ngoài giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã đề cập ở trên, một số giải pháp cơ bản cần được tập trung thực hiện trong thời gian tới là:

Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng KH&CN đồng bộ, hiện đại: Trong tổng thể các nội dung của nhiệm vụ đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ và hiện đại, cần đặt phát triển cơ sở hạ tầng KH&CN đồng bộ và hiện đại ở vị trí ưu tiên. Trong điều kiện nguồn lực tài chính còn hạn hẹp, nhiệm vụ này cần tập trung trước hết vào việc đầu tư bổ sung, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng KH&CN cho các viện nghiên cứu và các trường đại học được giao thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển công nghệ cao, công nghệ mũi nhọn, phát triển các sản phẩm quốc gia... Tăng cường đầu tư cho các khu công nghệ cao ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, bảo đảm các khu công nghệ cao này thực hiện có hiệu quả các chức năng được giao. Phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở các vùng nông nghiệp trọng điểm, phát huy vai trò của chúng trong phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại và bền vững. Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin và viễn thông, tạo nền tảng thực hiện chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

⁵Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-danh-gia-ke-t-qua-thuc-hien-nhiem-vu-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-5-nam-2016-2020-va-phuong-huong-3737>, truy cập ngày 03/01/2024).

⁶Năm 2022, chi cho KH&CN đạt 0,8% tổng chi ngân sách nhà nước. Tính chung, cả đầu tư từ ngân sách nhà nước và đầu tư tư nhân cho KH&CN ở Việt Nam đạt tỷ lệ tương đương 0,5% GDP, trong khi đó, tỷ lệ trung bình trên thế giới là 2,23%.



Cần phát triển cơ sở hạ tầng KH&CN đồng bộ, hiện đại.

Tăng cường nguồn lực tài chính cho phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo: Trong lập và thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước, cần thực hiện đúng quy định của Luật KH&CN: “Chi cho khoa học và công nghệ từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH&CN”⁷. Đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động KH&CN phù hợp với đặc thù của lĩnh vực KH&CN và nhu cầu phát triển của quốc gia, ngành, địa phương.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển hạ tầng KH&CN theo những hình thức thích hợp. Tăng quy mô quỹ phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và sử dụng có hiệu quả quỹ này vào giải quyết các vấn đề KH&CN, đổi mới sáng tạo của chính doanh nghiệp.

⁷Khoản 1, Điều 49 Luật KH&CN (Luật số 29/2013/QH13).

Hỗ trợ nâng cao trình độ trang bị công nghệ của các doanh nghiệp: Việc nâng cao trình độ và sử dụng có hiệu quả thiết bị, công nghệ tiên tiến là điều kiện để nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp, qua đó góp phần thiết thực vào nâng cao năng lực KH&CN nội sinh quốc gia.

Nâng cao trình độ trang bị công nghệ là trách nhiệm của doanh nghiệp. Vai trò của Nhà nước là ban hành và chỉ đạo thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ này. Cụ thể là: (i) Hỗ trợ bằng chính sách tín dụng ưu đãi với hoạt động đầu tư đổi mới trang thiết bị; (ii) Hỗ trợ vốn đổi mới công nghệ từ Quỹ Bảo lãnh tín dụng với doanh nghiệp nhỏ và vừa; (iii) Hỗ trợ bằng chính sách thuế (miễn thuế nhập khẩu thiết bị; miễn thuế, giảm thuế có kỳ hạn với doanh nghiệp đổi mới công nghệ thiết bị); (iv) Hỗ trợ chuyển giao công nghệ từ các vườn ươm doanh nghiệp; (v) Hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường KH&CN;

(vi) Hỗ trợ đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực để sử dụng có hiệu quả trang thiết bị công nghệ mới...

Đổi mới thể chế, chính sách phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo: Việc đổi mới phải phù hợp với tính đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học, phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, chấp nhận rủi ro và có độ trễ trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về KH&CN, các luật liên quan để khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp và mâu thuẫn, đặc biệt là các quy định về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công... Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra.

Đổi mới hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học ở tất cả các cấp, các ngành; ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý khoa học; kiên quyết xóa bỏ các thủ tục hành chính phức tạp gây phiền hà, lãng phí thời gian không cần thiết, bảo đảm các nhà khoa học được tập trung cao vào hoạt động nghiên cứu sáng tạo.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập về nhân lực, kinh phí hoạt động dựa trên kết quả và hiệu quả hoạt động. Tăng cường liên kết giữa tổ chức KH&CN với doanh nghiệp, liên kết và hợp tác với các tổ chức nghiên cứu KH&CN nước ngoài trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực